

Bản án số: 94/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 12 - 6 - 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiêu;

2. Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

Ngày 12/6/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-TCDS ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 3, đội 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 3, đội 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Th và anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Phạm Văn Q đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 12 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân với nhau được khoảng 01 năm nay. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q. Về con chung chị Nguyễn Thị Th xác định

chị và anh Phạm Văn Q không có con chung. Về tài sản chung chị Th xác định giữa chị và anh Q có tài sản chung nhưng xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn Q vắng mặt (lần thứ 2 không có lý do) nhưng tại bản tự khai cũng như tại phiên hoà giải anh Q trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị Th đã trình bày. Anh xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau có mâu thuẫn nhỏ. Nay chị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, anh không nhất trí ly hôn vì anh theo đạo công giáo. Về con chung, anh Q xác định giữa anh và chị Th không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn Q cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th và bị đơn anh Phạm Văn Q. Chị Th đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Q mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Văn Q kết hôn vào tháng 12/2007 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Văn Q là một hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị Th xác định giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân không quan tâm chăm sóc tới nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh Q có quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ và không nhất trí ly hôn vì gia đình anh là gia đình công giáo. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th và anh Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Th xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Q thống nhất xác định vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh Q không yêu cầu xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Văn Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số BB BB/2012/06396 ngày 22/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị Th đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Th, anh Q. Báo cho người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương